

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 55/2025/LĐ-ST
Ngày 28-8-2025
V/v: “Tranh chấp về hợp đồng lao động”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Kim Thu;
- Bà Phạm Thị Thu YẾN

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Hà Giang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 43/2025/TLST-LĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025 về việc: “Tranh chấp về hợp đồng lao động”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 318/2025/QĐXXST-LĐ ngày 30 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đinh Thị Tuyết T, sinh năm: 1986; địa chỉ thường trú: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang (nay là xã P, tỉnh An Giang); địa chỉ liên hệ: Số H, Tổ C, khu phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh).

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần G (Việt Nam); địa chỉ trụ sở: Đường Đ, khu phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo ủy quyền:

- Bà Phạm Mỹ L, chức vụ: Kế toán.
- Ông Nguyễn Minh P, chức vụ: Trưởng phòng nhân sự (văn bản ủy quyền 004/2025-NDV-GUQ ngày 07/7/2025), có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Ngô Thị N, sinh năm 1987; địa chỉ thường trú: Ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Long An (nay là xã H, Tỉnh Tây Ninh), có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là Bảo hiểm xã hội cơ sở L1; trụ sở: Khu phố B, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường L, thành phố Hồ Chí Minh), có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đinh Thị Tuyết T trình bày:

Vào năm 2010 bà Đinh Thị Tuyết T có cho bà Ngô Thị N mượn giấy chứng minh nhân dân để ký hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần G (Việt Nam) và tham gia bảo hiểm xã hội với tên của bà T từ tháng 5 năm 2010 đến tháng 8 năm 2010 nhưng trên thực tế bà Ngô Thị N là người ký kết hợp đồng và trực tiếp làm việc tại Công ty Cổ phần G (Việt Nam).

Do bà Đinh Thị Tuyết T có nhu cầu thực hiện các thủ tục rút bảo hiểm xã hội nên có đến liên hệ với Bảo hiểm xã hội thành phố T để rút bảo hiểm theo đúng quy định. Sau đó, bà T được Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu) thông báo thời điểm từ tháng 5 năm 2010 đến tháng 8 năm 2010 bà Đinh Thị Tuyết T có ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty Cổ phần G (Việt Nam) có thực hiện đóng bảo hiểm lao động cho bà Đinh Thị Tuyết T vào thời gian nêu trên.

Tuy nhiên, trên thực tế khoảng thời điểm nêu trên bà Đinh Thị Tuyết T không ký hợp đồng lao động và không làm việc tại Công ty Cổ phần G (Việt Nam). Do đó, đến nay bà Đinh Thị Tuyết T không thể thực hiện các thủ tục bảo hiểm xã hội theo đúng quy định.

Nhận thấy, việc ký kết hợp đồng lao động giữa bà Ngô Thị N và Công ty Cổ phần G (Việt Nam) là sai quy định, đã vi phạm nguyên tắc trung thực, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà Đinh Thị Tuyết T được pháp luật bảo vệ. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Tuyên hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động tên Đinh Thị Tuyết T (do bà Ngô Thị N là người ký kết) với người sử dụng lao động là Công ty Cổ phần G (Việt Nam) trong khoản thời gian làm từ tháng 5 năm 2010 đến tháng 8 năm 2010 là vô hiệu toàn bộ. Bà Đinh Thị Tuyết T không có yêu cầu Tòa án giải quyết gì về hậu quả của hợp đồng vô hiệu, đồng thời có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Trong quá trình giải quyết, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty Cổ phần G (Việt Nam) trình bày:

Công ty Cổ phần G (Việt Nam) có ký hợp đồng lao động và có đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động tên Đinh Thị Tuyết T số sổ Bảo hiểm xã hội 7410151255, số chứng minh nhân dân 301357052 từ ngày 03/3/2010 đến ngày 05/8/2010 thì chấm dứt hợp đồng lao động, thời gian G1 là từ

tháng 5/2010 đến tháng 8/2010. Do quá trình ký kết hợp đồng lao động và chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà Đinh Thị Tuyết T đã quá thời gian lưu trữ nên không có hồ sơ gốc đối chiếu. Khi ký kết hợp đồng lao động công ty không biết việc bà Ngô Thị N mượn hồ sơ bà Đinh Thị Tuyết T để ký với Công ty Cổ phần G (Việt Nam). Quá trình bà T làm việc tại công ty đã được đóng bảo hiểm xã hội đầy đủ và đã chốt sổ, trả sổ cho bà T theo quy định. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì Công ty Cổ phần G (Việt Nam) không có ý kiến gì, không có yêu cầu phản tố và không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, công ty T1 nhận lại các quyền lợi, liên quan đến việc đã đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động trên. Công ty Cổ phần G (Việt Nam) đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

- Trong quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị N trình bày:

Vào năm 2010, bà N có mượn giấy chứng minh nhân dân của bà Đinh Thị Tuyết T để ký hợp đồng lao động đối với Công ty Cổ phần G (Việt Nam) từ tháng 03/3/2010 đến tháng 05/8/2010 thì chấm dứt hợp đồng lao động, thời gian G1 là từ tháng 5/2010 đến tháng 8/2010. Trước yêu cầu khởi kiện của bà T thì bà N đồng ý. Bà N đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố T (nay là Bảo hiểm xã hội cơ sở L1) trình bày:

Bà Đinh Thị Tuyết T, sinh năm 1986; CMND số 301357052, số CCCD 080186004505 đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp với các mã số bảo hiểm xã hội 7410151255, 7408099609. Cụ thể như sau:

Đối với mã số Bảo hiểm xã hội 7410151255 tham gia từ 5/2010 đến tháng 8/2010 đã hưởng Bảo hiểm xã hội một lần tại Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu), chưa bảo lưu quá trình đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.

Đối với mã số bảo hiểm xã hội 7408099609 tham gia từ tháng 6/2008 đến tháng 5/2009, chưa hưởng bảo hiểm xã hội một lần, đã nhận trợ cấp thất nghiệp.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Tuyết T, Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là Bảo hiểm xã hội cơ sở L1) đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật và có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị Tuyết T đối với bị Công ty Cổ phần G (Việt Nam) về việc tranh chấp hợp đồng lao động.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.1]. Về tố tụng và quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Đinh Thị Tuyết T khởi kiện yêu cầu tuyên hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động tên Đinh Thị Tuyết T (do bà Ngô Thị N là người ký kết) với người sử dụng lao động là Công ty Cổ phần G (Việt Nam) trong khoản thời gian làm từ tháng 5/2010 đến tháng 8/2010 là vô hiệu toàn bộ và bị đơn Công ty Cổ phần G (Việt Nam) có địa chỉ trụ sở tại đường Đ, khu phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh) nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về hợp đồng lao động” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 32; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 50 của Bộ luật Lao động.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn bà Đinh Thị Tuyết T, bị đơn Công ty Cổ phần G (Việt Nam), người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị N và Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là Bảo hiểm xã hội cơ sở L1) đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nêu trên.

[1.3]. Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đinh Thị Tuyết T không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu; đồng thời các đương sự trong vụ án cũng không có yêu cầu gì trong vụ án nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2]. Về nội dung: Trong quá trình tố tụng, bà Đinh Thị Tuyết T, bà Ngô Thị N thống nhất nội dung: Bà T cho bà N mượn giấy tờ tùy thân của bà T để xác lập hợp đồng lao động đối với Công ty Cổ phần G (Việt Nam) và tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 5 năm 2010 đến tháng 8 năm 2010 tại Công ty Cổ phần G (Việt Nam) theo mã số Bảo hiểm xã hội 7410151255.

[2.2]. Tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994 quy định: *Quan hệ lao động giữa người lao động và người sử dụng lao động được xác lập và tiến hành qua thương lượng, thoả thuận theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau, thực hiện đầy đủ những Điều đã cam kết.*

Đồng thời, Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994 quy định: *Hợp đồng lao động được giao kết trực tiếp giữa người lao động với người sử dụng lao động.*

Theo Điều 17 và Điều 19 Bộ luật Lao động năm 2012 (khoản 1 Điều 15 và Điều 16 của Bộ luật Lao động năm 2019) quy định khi giao kết hợp đồng lao động phải trên nguyên tắc: *Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực* và người lao động có nghĩa vụ: *Người lao động phải cung cấp thông tin trung thực cho người sử dụng lao động về họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, xác nhận tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu.*

Mặt khác, theo Điều 50 của Bộ luật Lao động năm 2012 và Điều 49 của Bộ luật Lao động năm 2019 quy định: *Hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ khi người giao kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền hoặc vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động.*

[2.3]. Thực tế người lao động ký kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần G (Việt Nam) từ tháng 5/2010 đến tháng 8/2010, làm việc và tham gia bảo hiểm xã hội với mã số 7410151255 là bà Ngô Thị N, không phải bà Đinh Thị Tuyết T. Việc bà N mượn giấy tờ tùy thân của bà T để giao kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần G (Việt Nam) là vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động năm 2019 và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo khoản 2 Điều 16 Bộ luật Lao động 2019 nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động 2019, đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị Tuyết T là có cơ sở chấp nhận.

[2.4]. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị Tuyết T đối với bị đơn Công ty Cổ phần G (Việt Nam) về việc tranh chấp hợp đồng lao động.

[2.5]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật.

[2.6] Về án phí: Nguyên đơn bà Đinh Thị Tuyết T tự nguyện chịu tiền án phí lao động sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 9 và 30 Bộ luật Lao động năm 1994;

- Các Điều 17, 19, 50, 51, 52 Bộ luật Lao động năm 2012 (các Điều 15, 16, 49, 50 và Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019);

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị Tuyết T về việc tranh chấp hợp đồng lao động với bị đơn Công ty Cổ phần G (Việt Nam).

- Tuyên bố Hợp đồng lao động giao kết giữa bà Đinh Thị Tuyết T và Công ty Cổ phần G (Việt Nam) trong thời gian từ tháng 5 năm 2010 đến tháng 8 năm 2010 bị vô hiệu toàn bộ.

- Cơ quan Bảo hiểm xã hội có thẩm quyền thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội cho các đương sự theo quy định pháp luật.

2. Về án phí: Bà Đinh Thị Tuyết T tự nguyện chịu 300.000 đồng tiền án phí lao động sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000657 ngày 14/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh).

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THA dân sự khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Hiệp